

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 20: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: HS nắm vững dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 – so sánh với dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

2. Kỹ năng: HS biết vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 để nhanh chóng nhận ra một số có hay không chia hết cho 3, cho 9.

3. Thái độ: Rèn luyện tính chính xác khi phát biểu lí thuyết (so với lớp 5), vận dụng linh hoạt các dạng bài tập.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SGV, tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

Phát biểu dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5? Lấy VD 1 số chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5, một số chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2, một số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5.

3. Bài mới:

* ĐVĐ: Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 có gì khác với dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5?

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu nhận xét GV: Mọi số tự nhiên có thể viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó và một số chia hết cho 9 hay không? Viết như thế nào? GV: Lấy ví dụ minh họa. Hãy viết số trên dạng tổng của các số theo hàng? GV: Hãy phân tích các số hạng thành tích? Hướng dẫn HS cách viết. GV: Cho một số khác để HS tự trình bày.	<u>1. Nhận xét mở đầu:</u> - Mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9. Ví dụ : $378 = 3.100 + 7.10 + 8$ $= 3(99+1) + 7(9+1) + 8$ $= 3.99 + 3 + 7.9 + 7 + 8$ $= (3 + 7 + 8) + (3.99 + 7.9)$ $= (\text{Tổng các chữ số}) + (\text{Số : 9})$
<u>Hoạt động 2:</u> Tìm hiểu dấu hiệu chia hết cho 9. GV: Theo nhận xét thì số 378 viết được như thế nào? GV: Em có nhận xét gì về các số hạng	<u>2. Dấu hiệu chia hết cho 9.</u> Ví dụ: Dựa vào nhận xét mở đầu ta có: $378 = (3 + 7 + 8) + (\text{số chia hết cho 9})$

của tổng trên?

GV: tổng trên có chia hết cho 9 không?
Vì sao?

Vậy không cần thực hiện phép chia giải thích tại sao 378 chia hết cho 9?

GV: Từ ví dụ trên ta có kết luận nào?

GV: Em hãy xét xem số 253 có chia hết cho 9 hay không? Vì sao? nêu kết luận

GV: Những số có tính chất nào thì chia hết cho 9?

GV: Cho HS vận dụng thực hiện ?1

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.

GV: Để kiểm tra các số chia hết cho 9 hay không ta cần tìm tính chất nào?

GV: Cho HS lên bảng thực hiện.

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.

Hoạt động 3: Tìm hiểu dấu hiệu chia hết cho 3.

GV: Các số chia hết cho 9 thì có chia hết cho 3 không?

Hãy giải thích tại sao một số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3?

GV: Cho HS phân tích các số theo nhận xét mở đầu để thực hiện.

GV: Những số có tính chất gì thì chia hết cho 3?

GV: cho HS nêu kết luận SGK

Hãy xét xem số 3510 có chia hết cho 3 hay không?

GV: Cho HS thực hiện như SGK

HS nêu kết luận

GV: Vậy những số có tính chất gì thì chia hết cho 3?

HS nêu dấu hiệu chia hết cho 3

- Yêu cầu HS làm ?2

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.

Kết luận 1: Số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9

$$253 = (3+5+3) + (\text{Số chia hết cho 9}) \\ = 10 + (\text{Số chia hết cho 9})$$

Kết luận 2: Số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9

*** Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.**

?1 $621 : 9$ vì $6+2+1=9 : 9$

$$1205 : 9 \text{ vì } 1+2+0+5=8 : 9$$

$$1327 : 9 \text{ vì } 1+3+2+7=13 : 9$$

$$6354 : 9 \text{ vì } 6+3+5+4=18 : 9$$

3. Dấu hiệu chia hết cho 3:

Ví dụ: Xét xem số 2042 và 3510 có chia hết cho 3 không

Theo nhận xét ta có:

$$2042 = 2 + 0 + 4 + 2 + \text{số chia hết cho 9} \\ = 8 + \text{số chia hết cho 9}$$

Số 2042 không chia hết cho 3 vì tổng của nó có một số hạng không chia hết cho 3

Kết luận 1 :(SGK)

$$3510 = 3 + 5 + 1 + 0 + \text{số chia hết cho 9} \\ = 9 + \text{số chia hết cho 9}$$

Số 3510 chia hết cho 3 vì cả hai số hạng chia hết cho 3

Kết luận 2:(SGK)

*** Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.**

?2 Hướng dẫn

GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện. GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm. GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.	$\overline{157*} : 3 \Rightarrow (1+5+7+*) : 3$ $\Rightarrow (13+*) : 3$ $\Rightarrow (12+1+*) : 3$ Vì $12 : 3$ nên $(12+1+*) : 3 \Leftrightarrow (1+*) : 3 \Leftrightarrow * \in \{2;5;8\}$
---	--

4. Củng cố - Luyện tập:

- Hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9?

? Một số chia hết cho 9 có chia hết cho 3 không, một số chia hết cho 3 có thể chia hết cho 9 không? Lấy ví dụ minh họa.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 103; 104; 105 SGK.

Hướng dẫn: Xét xem nếu các số hạng trong tổng chia hết cho số đó thì tổng chia hết cho số đó (Áp dụng tương tự đối với hiệu các số).

– Chuẩn bị bài tập phần luyện tập.